

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 3 - 2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu.

2. Ông Phạm Viết Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông NVT, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà NTB, sinh năm 1960.

ĐKHKT: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã HT, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2022, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông NVT trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà NTB kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/9/1985. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng ở nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà NTB.

Về con chung: Vợ chồng ông có 05 con chung, cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/12/1985, cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/1987, cháu NVT1, sinh ngày 08/8/1990, cháu NVT2, sinh ngày 12/4/1992 và cháu Nguyễn Thị T3, sinh ngày 04/8/1995. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do bà B không đến Tòa án làm việc nên theo đơn đề nghị của ông T về việc cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại của bà B. Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 13/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đã nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023, bị đơn bà NTB trình bày:

Bà là vợ của ông NVT. Bà và ông T sống với nhau từ năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 05 con chung tên là Nguyễn Thị C, sinh năm 1985, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987, NVT1, sinh năm 1990, NVT2, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995. Bà và ông T không sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân là do ông T hay đánh bà chảy máu gây thương tích nhiều lần. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà thì bà đồng ý, sẵn sàng ly hôn ông T.

Khi ly hôn ông T, con cái đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần nợ, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông NVT vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà NTB.

Bà NTB có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông NVT, xử cho ông NVT được ly hôn bà NTB; Về con chung: Vợ chồng ông T, bà B có 05 con chung, cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/12/1985, cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/1987, cháu NVT1, sinh ngày 08/8/1990, cháu NVT2, sinh ngày 12/4/1992 và cháu Nguyễn Thị T3, sinh ngày 04/8/1995. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và công nợ chung, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà NTB là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc ông NVT đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B có đơn xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về hôn nhân: Ông NVT và bà NTB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/9/1985 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng ở nhau. Bà B cho rằng ông T đánh đập bà chảy máu nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn chung sống cùng nhau từ năm 2012 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà B đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2012 đến nay. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của ông T và bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Ông T làm đơn xin ly hôn, bà B cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông NVT và bà NTB ly hôn.

[3] Về con chung: Ông NVT và bà NTB có 05 con chung, cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/12/1985, cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/1987, cháu NVT1, sinh ngày 08/8/1990, cháu NVT2, sinh ngày 12/4/1992 và cháu Nguyễn Thị T3, sinh ngày 04/8/1995. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T và bà B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông NVT là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho ông T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Xử cho ông NVT được ly hôn bà NTB.

- *Về con chung:* Vợ chồng ông NVT và bà NTB có 05 con chung, cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/12/1985, cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/1987, cháu NVT1, sinh ngày 08/8/1990, cháu NVT2, sinh ngày 12/4/1992 và cháu Nguyễn Thị T3, sinh ngày 04/8/1995. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho ông NVT.

- *Về quyền kháng cáo:* Ông NVT được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà NTB được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa